

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN KHÔI

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ BẢO

Phản biện 1: TS. NGUYỄN PHÚC NGUYỄN

Phản biện 2: PGS.TS. ĐỖ NGỌC MỸ

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 9 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mặc dù, thị xã đã chú trọng đến PTNN và đã có những kết quả quan trọng, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, từng bước nâng cao dân trí. Tuy nhiên đến nay, nông nghiệp thị xã Gia Nghĩa vẫn chưa thực sự đảm bảo phát triển đúng hướng tiến bộ, chưa phát huy hết vai trò động lực to lớn thúc đẩy các ngành khác. Để tiếp tục nâng cao vai trò và thúc đẩy PTNN của thị xã, cần thiết phải nghiên cứu, đề xuất các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn cao. Từ đó, việc tác giả chọn đề tài “**Phát triển nông nghiệp trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông**” làm luận văn để kịp thời đóng góp giải quyết những đòi hỏi thực tế đối với nông nghiệp thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông trong những năm tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về PTNN thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Phân tích thực trạng PTNN thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, chỉ ra những thành công, những hạn chế, những vấn đề đặt ra cần giải quyết và các nguyên nhân.

Đánh giá những tiềm năng, thách thức và thời cơ mới trong việc PTNN, đề xuất phương hướng và các giải pháp đẩy mạnh PTNN trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: là lý luận và thực tiễn PTNN thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Phạm vi nghiên cứu: **Về nội dung:** Luận văn tập trung nghiên cứu nông nghiệp theo nghĩa hẹp, gồm trồng trọt và chăn nuôi; **Về**

không gian: Tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; **Về thời gian:** Đánh giá thực trạng PTNN trong giai đoạn 2009-2014. Các giải pháp đề xuất có giá trị trong 5-6 năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Các số liệu của luận văn chủ yếu là số liệu thứ cấp. Các số liệu này được thu thập từ số liệu các cơ quan của thị xã có liên quan như HĐND và UBND thị xã, phòng Tài chính kế hoạch thị xã; chi Cục Thống kê thị xã..., Liên minh hợp tác xã tỉnh Đắk Nông, phòng Lao động thương binh xã hội thị xã, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã.

Phương pháp phân tích bao gồm:

Phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc.

Phương pháp thống kê, phương pháp chuyên gia.

Phương pháp phân tích tổng hợp, phân tích so sánh.

Các phương pháp khác...

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Góp phần làm rõ nhưng vấn đề về lý luận và thực tiễn liên quan đến PTNN, xây dựng nhóm tiêu chí đánh giá cho từng nội dung. Đánh giá thực trạng PTNN thị xã Gia Nghĩa thời gian qua, rút ra những nguyên nhân yếu kém trong PTNN. Đề xuất một số quan điểm, giải pháp cụ thể để PTNN thị xã Gia Nghĩa trong thời gian tới.

6. Cấu trúc của luận văn

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp.

Chương 2. Thực trạng PTNN thị xã Gia Nghĩa.

Chương 3. Các giải pháp để PTNN thị xã Gia Nghĩa.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

a. Nông nghiệp

+ *Nông nghiệp* là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân. Theo nghĩa rộng, ngành nông nghiệp gồm ba lĩnh vực là nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Theo nghĩa hẹp, chỉ gồm lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

+ *Trồng trọt* là ngành sử dụng đất đai và cây trồng làm nguyên liệu chính để sản xuất ra lương thực, thực phẩm, tư liệu cho công nghiệp, đáp ứng các nhu cầu xã hội.

+ *Chăn nuôi* là một trong hai ngành sản xuất của nông nghiệp, đối tượng sản xuất là các loại động vật nuôi nhằm cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của con người.

b. Phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp: Là quá trình vận động của ngành nông nghiệp nhằm chuyển đổi nền nông nghiệp từ sản xuất thủ công sang sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp và hiện đại; chuyển nền nông nghiệp tự cung, tự cấp thành nền nông nghiệp hàng hóa, cao hơn là nền nông nghiệp thương mại hóa; và xây dựng nền nông nghiệp đáp ứng các mục tiêu của phát triển.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

1.1.3. Vai trò phát triển nông nghiệp trong phát triển kinh tế

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Kinh tế nông hộ

Kinh tế nông hộ là một đơn vị kinh tế có đất đai, tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của hộ gia đình.

b. Kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại : Là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng, gắn với chế biến và tiêu thụ

c. Hợp tác xã

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

d. Doanh nghiệp

Doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp và hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

a. Khái niệm về cơ cấu kinh tế và cơ cấu kinh tế nông nghiệp

+ *Cơ cấu kinh tế nông nghiệp*: Là tổng thể các mối quan hệ theo tỷ lệ về số lượng và chất lượng tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế xã hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

+ *Cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt*: Cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt bao gồm những nội dung như cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo ngành, cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo vùng kinh tế lãnh thổ và cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo thành phần kinh tế.

+ *Cơ cấu ngành chăn nuôi*: Cơ cấu ngành chăn nuôi bao gồm nội dung như số lượng vật nuôi, nhóm vật nuôi, phân bố vật nuôi theo địa bàn, theo thành phần kinh tế.

b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình làm biến đổi cấu trúc và các mối quan hệ tương tác trong hệ thống theo những định hướng và mục tiêu nhất định, nghĩa là đưa hệ thống đó từ một trạng thái nhất định tới trạng thái phát triển tối ưu để đạt được hiệu quả mong muốn, thông qua sự điều khiển có ý thức của con người, trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan.

1.2.3. Gia tăng các yếu tố nguồn lực trong nông nghiệp

a. Lao động trong nông nghiệp

Nguồn nhân lực trong nông nghiệp là tổng thể sức lao động tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm số lượng và chất lượng của người lao động.

b. Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp

+ *Đất đai* là cơ sở tự nhiên, trong nông nghiệp ruộng đất tham gia với tư cách yếu tố nguồn lực của sản xuất, là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được.

+ *Ruộng đất* vừa là sản phẩm của tự nhiên vừa là sản phẩm của lao động. Ruộng đất vừa là đối tượng lao động vừa là tư liệu lao động. Sự kết hợp của đối tượng lao động và tư liệu lao động đã làm cho ruộng đất trở thành tư liệu sản xuất trong nông nghiệp.

c. Vốn trong nông nghiệp

Vốn trong nông nghiệp là biểu hiện bằng tiền của tư liệu lao động và đối tượng lao động được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

d. Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp

Công nghệ theo nghĩa chung nhất là tập hợp những hiểu biết về các phương thức và phương pháp hướng vào cải tạo tự nhiên, phục vụ các nhu cầu con người. Công nghệ gồm hai phần khác nhau là “phần cứng” và “phần mềm”.

1.2.4. Các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ

Liên kết kinh tế là sự hợp tác của các đối tác trên chuỗi giá trị để đưa nông sản từ sản xuất đến nơi tiêu thụ nhằm tìm kiếm những cơ hội đem lại lợi nhuận từ sự liên kết này. Liên kết kinh tế thể hiện qua liên kết ngang, liên kết dọc.

1.2.5. Thâm canh trong nông nghiệp

Có hai phương thức sản xuất cơ bản trong nông nghiệp; đó là quảng canh và thâm canh.

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

a. Kết quả sản xuất nông nghiệp

Gia tăng kết quả SXNN Là số lượng sản phẩm và giá trị sản phẩm cũng như sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa của nông nghiệp được sản xuất qua các năm và yêu cầu năm sau phải tăng cao hơn so với năm trước.

b. Tích lũy và nâng cao đời sống người lao động

c. Cung cấp sản phẩm hàng hóa

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên

1.3.2. Nhân tố điều kiện kinh tế

1.3.3. Nhân tố điều kiện xã hội

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Địa hình, khí hậu: Địa hình phức tạp, gồm nhiều dãy đồi núi nhấp nhô xen kẽ nhiều khe suối tự nhiên lớn, nhỏ tạo thành dạng địa hình bị chia cắt mạnh. Khí hậu chia thành mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10, mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Tài nguyên đất: Đất nông nghiệp năm 2014 là 22.511 ha chiếm 79,34%. Trong đó: đất sản xuất nông nghiệp là 17.543 ha chiếm 61,83%. Đất phi nông nghiệp 4.619 ha chiếm 16,28%. Đất chưa sử dụng là 1.244 ha chiếm 4,38%.

Thổ nhưỡng: Đất đai thị xã Gia Nghĩa chủ yếu đất đỏ bazan. đất đen bồi tụ trên nền đá bazan, đất Gley và đất phù sa bồi tụ dọc các dòng sông, suối.

Tài nguyên nước: Nhìn chung các con suối trên địa bàn thị xã tương đối nhiều, nhưng lòng sông hẹp, dốc, lũ lớn trong mùa mưa và kiệt nước trong mùa khô. Vì thế hạn chế khả năng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế

Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng GTSX của kinh tế thị xã bình quân năm giai đoạn 2009 - 2014 bình quân là 23,42%/năm. Nông, lâm, thủy sản 22,71%/năm; công nghiệp, xây dựng 25,48%/năm; dịch vụ, thương mại 21,51%/năm%.

Cơ cấu kinh tế: Năm 2014, GTSX nông, lâm, thủy sản chiếm 14,42%, có xu hướng tăng; công nghiệp - xây dựng 46,21%, dịch vụ

39,37%. Cơ cấu ngành trong giai đoạn 2009-2014 không thay đổi là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

2.1.3. Đặc điểm xã hội

Địa bàn thị xã Gia Nghĩa có 19 dân tộc sinh sống. Phần lớn dân số đều xuất phát từ nông nghiệp. Một số dân tộc sinh sống lâu đời đã có nhiều bản sắc dân tộc, truyền thống sản xuất nông nghiệp, có bản tính cần cù, chịu khó, ham làm, hiếu học, biết đùm bọc lẫn nhau.

Dân số năm 2014 là 54.517 người, mật độ 192 người/km². Dân số ở nông thôn chiếm 32,24%, ở thành thị 67,76%.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ GIA NGHĨA

2.2.1. Số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Kinh tế nông hộ

Năm 2014, toàn huyện có 6.571 hộ SXNN, đa số các hộ có quy mô sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, tập quán lạc hậu. Giai đoạn 2009-2014, số lượng nông hộ, cá thể trong nông nghiệp có xu hướng giảm, mức giảm số lượng bình quân của giai đoạn là 3,14 %/năm.

b. Kinh tế trang trại

Năm 2014, số lượng cơ sở trang trại trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa có 26 cơ sở sản xuất. So với năm 2009 thì số lượng này đã giảm mạnh, mức giảm số lượng bình quân giai đoạn 2009-2014 là 30,05%/năm.

c. Hợp tác xã

Đến cuối năm 2014, toàn huyện có 15 HTX nông nghiệp, nhưng trong số đó có 7 HTX đang chờ giải thể.

d. Doanh nghiệp nông nghiệp

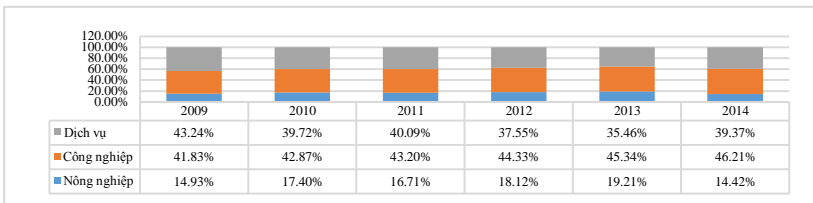
Doanh nghiệp nông nghiệp của thị xã Gia Nghĩa chưa được phát triển tốt, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn chỉ bằng 7,32% số lượng doanh nghiệp nông nghiệp trên toàn tỉnh.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

a. Ngành nông lâm thủy sản

Trong giai đoạn 2009-2014, GTSX của thị xã có xu hướng tăng, mức tăng bình quân đạt 23,42%/năm. Mức tăng này chủ yếu từ ngành công nghiệp là 25,48%/năm, tiếp đến là ngành nông lâm thủy sản là 22,71%/năm, dịch vụ tăng 21,51%/năm. Cơ cấu ngành kinh tế của thị xã giai đoạn 2009-2014 theo xu hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

Biểu đồ 2.1: Tỷ trọng GTSX ngành nông lâm thủy sản

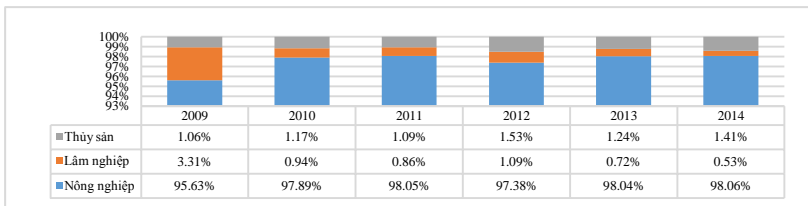


(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

b. Ngành nông nghiệp

Nông nghiệp vẫn là ngành chính của thị xã Gia Nghĩa, luôn có tỷ trọng lớn trong ngành nông lâm thủy sản, cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2009-2014 ổn định: Nông nghiệp – thủy sản – lâm nghiệp.

Biểu đồ 2.2: Tỷ trọng GTSX ngành nông nghiệp

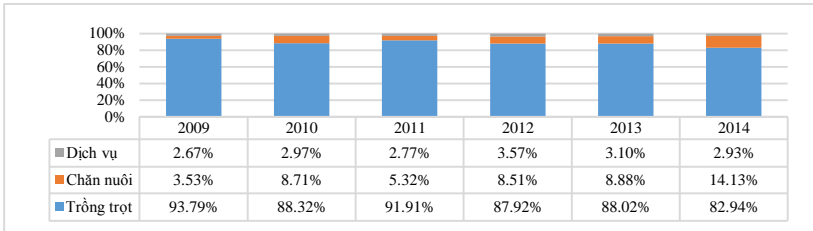


(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

Tỷ trọng các tiểu ngành nông nghiệp giai đoạn 2009-2014 ổn định. Trồng trọt chiếm một tỷ trọng lớn trong ngành nông nghiệp,

năm 2014 tỷ trọng là 82,94%, chăn nuôi 14,13%, dịch vụ 2,93%.

Biểu đồ 2.3: Tỷ trọng GTSX tiểu ngành nông nghiệp



(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

c. Ngành trồng trọt

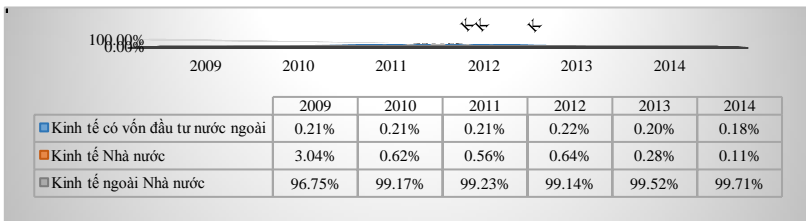
Cơ cấu cây trồng của thị xã thể hiện qua biến động diện tích gieo trồng của các loại cây. Cây lâu năm được chú trọng trồng nhiều nhất với diện tích chiếm 54,16% trên tổng diện tích toàn thị xã, tiếp đến là đất lâm nghiệp chiếm 17,06% và cuối cùng là đất trồng cây hàng năm chiếm 7,67%.

d. Ngành chăn nuôi

Trong cơ cấu nội bộ ngành chăn nuôi, Sản lượng gia súc giai đoạn 2009-2014 vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng chăn nuôi. Mức tăng bình quân giai đoạn 2009-2014 của gia súc là 21,87%/năm.

e. Thành phần kinh tế

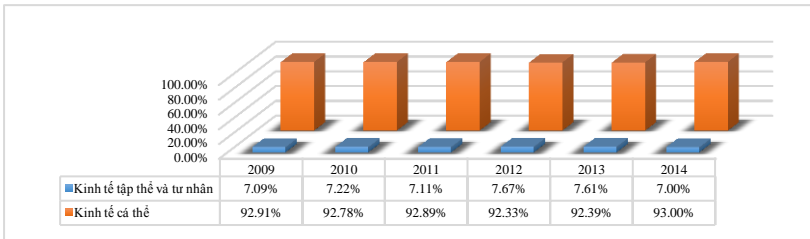
Biểu đồ 2.4: Tỷ trọng đóng góp GTSX của các thành phần kinh tế.



(Nguồn: Niên giám thống kê TX, Chi cục thống kê thị xã Gia Nghĩa)

Các thành phần kinh tế ngoài nhà nước vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong cấu thành nên GTSX của ngành nông nghiệp. Năm 2014, các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đã đóng góp đến 99,71% GTSX của ngành nông lâm thủy sản và luôn chiếm vị trí đầu trong suốt gian đoạn 2009-2014.

Biểu đồ 2.5: Tỷ trọng GTSX của thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

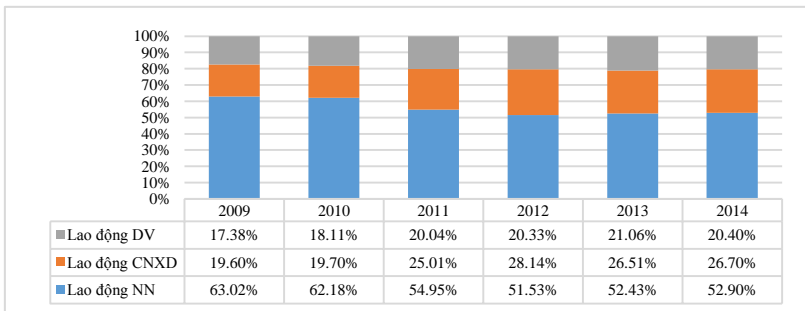


(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

f. Lao động

Lao động trong ngành nông nghiệp giai đoạn 2009-2014 của thị xã Gia Nghĩa chiếm một tỷ trọng lớn trong lao động của thị xã. Cơ cấu lao động của thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2009-2014 là lao động nông nghiệp – lao động công nghiệp xây dựng – lao động dịch vụ.

Biểu đồ 2.6: Tỷ trọng lao động trong các ngành.

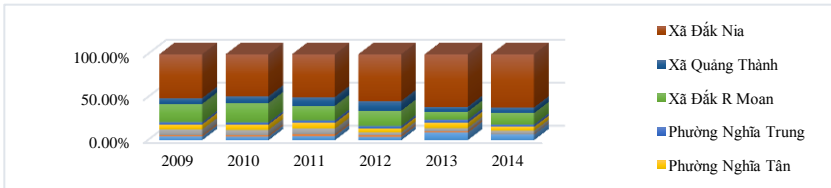


(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

g. Vùng kinh tế

Năm 2014, diện tích trồng cây hàng năm tại xã Đăk Nia chiếm 62% trên tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm của thị xã, tiếp theo là xã Đăk R'Moan 13,2% và có xu hướng tăng diện tích gieo trồng ở xã Đăk Nia.

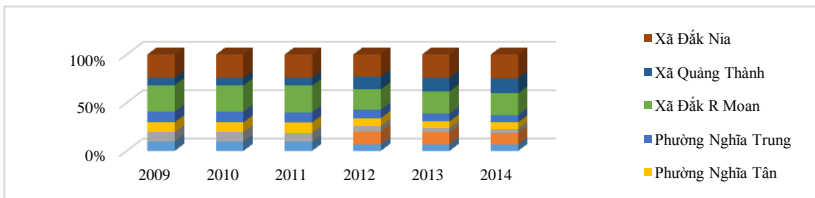
Biểu đồ 2.7: Cơ cấu diện tích trồng cây hàng năm phân theo vùng kinh tế



(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

Năm 2014, diện tích gieo trồng cây lâu năm của xã Đăk Nia là 24,56% trên tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm của toàn thị xã, xã Quảng Thành là 15,7%, xã Đăk R'Moan là 22,53%.

Biểu đồ 2.8: Cơ cấu diện tích trồng cây lâu năm phân theo vùng.



(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2013, năm 2014)

2.2.3. Các yếu tố nguồn lực trong nông nghiệp

a. Lao động

Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế năm 2014 là 25,258 người, chiếm 46,33% tổng dân số. Nông, lâm, thủy sản chiếm 52,43% tổng lực lượng lao động của thị xã. Lao động nông nghiệp tập trung chủ yếu ở các cơ sở cá thể, hộ gia đình. Phần lớn chưa qua đào tạo, trình độ tay nghề chưa có, thời gian nhàn rỗi nhiều.

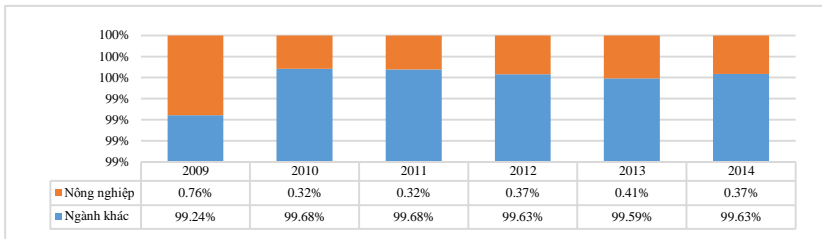
b. Đất đai

Đất nông nghiệp 22.511 ha chiếm 79,31%. Trong đó: đất sản xuất nông nghiệp là 17.543ha chiếm 61,81%, đất lâm nghiệp là 4.840 chiếm 17,05%, đất nuôi trồng thủy sản là 126 ha chiếm 0,44%, đất nông nghiệp khác là 2 ha chiếm 0,01%. Đất phi nông nghiệp 4.619ha chiếm 16,27%. Đất chưa sử dụng là 1.254ha chiếm 4,42%.

c. Vốn đầu tư

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư trong nông nghiệp còn thấp (1,94%/năm), trong khi vốn đầu tư toàn thị xã có mức tăng rất cao (15,1%/năm).

Biểu đồ 2.9: Tỷ trọng vốn ngân sách đầu tư vào ngành kinh tế



(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Gia Nghĩa năm 2012; phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Gia Nghĩa)

d. Khoa học và công nghệ

Thị xã Gia Nghĩa ngày càng quan tâm hơn vào việc ứng dụng KHCN trong SXNN. Ứng dụng, triển khai các dự án nông nghiệp công nghệ cao. Công tác khuyến nông góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Năm 2014, thị xã Gia Nghĩa đã hỗ trợ kinh phí cho 5 mô hình nông nghiệp với tổng kinh phí là 621,650 triệu đồng.

2.2.4. Liên kết kinh tế trong nông nghiệp

Đã có nhiều hình thức liên kết giữa nông hộ, doanh nghiệp, ngân hàng và các nhà khoa học trong nông nghiệp như Nhà nước, tổ chức

hỗ trợ vốn, cây trồng, vật nuôi cho nông dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng hệ thống tưới nước cây cà phê, tiêu; mô hình ao nuôi cá, trồng rau, trồng cây công nghiệp, nuôi gà. Năm 2014, phòng kinh tế thị xã Gia Nghĩa đã hỗ trợ 5 mô hình với tổng số kinh phí hỗ trợ là 621,65 triệu đồng.

2.2.5. Thâm canh trong nông nghiệp

Nhóm cây hàng năm giai đoạn 2009-2014, năng suất khoai lang tăng 7,65%/năm, đậu tương tăng 4,2%/năm, lúa tăng 3,83%/năm, ngô và sắn có năng suất giảm. nhóm cây trồng lâu năm, năng suất cam tăng 14,23%/năm, cao su tăng 6,92%/năm, xoài tăng 4,07%/năm, sầu riêng tăng 3,53%/năm, trong khi một số cây có diện tích gieo trồng lớn lại giảm năng suất như cà phê giảm 1,29%/năm, điều giảm 2,87%/năm, tiêu giảm 1,75%/năm.

2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp

a. Kết quả sản xuất nông nghiệp

+ *Nông lâm thủy sản*: GTSX (theo giá cố định năm 2010) nông lâm thủy sản giai đoạn 2009-2014 tăng trưởng bình quân 6,99%/năm.

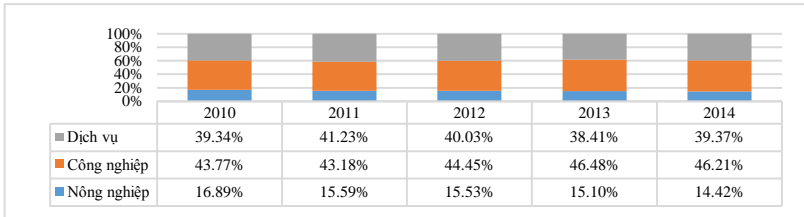
+ *Nông nghiệp*: Tăng trưởng nhanh là nhờ vào phát triển của ngành trồng trọt. GTSX ngành trồng trọt năm 2014 đạt 583,416 tỷ đồng, chiếm 82,94% GTSX ngành nông nghiệp. Giai đoạn 2009-2014, GTSX trồng trọt là nguồn thu cơ bản của ngành nông nghiệp, tiếp theo là ngành chăn nuôi.

b. Đóng góp của nông nghiệp vào nền kinh tế.

Năm 2014, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp đóng góp là 309,19 tỷ đồng, chiếm 14,42%. Giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp liên tục tăng. Giai đoạn 2009-2014, tăng trưởng bình quân giá

trị gia tăng là 12,08%/năm.

Biểu đồ 2.10: Tỷ trọng giá trị gia tăng đã đóng góp.



(Nguồn: Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Gia Nghĩa)

c. Đời sống của nông dân thị xã Gia Nghĩa

Thu nhập bình quân đầu người nông dân SXNN tăng từ 21,14 triệu đồng/người/năm ở năm 2010 lên 38,67 triệu đồng/người/năm vào năm 2013 (theo giá thực tế).

Tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm, năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo là 5,13% thì năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 2,61%. Giai đoạn 2011-2014, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 18,87%/năm.

Tỷ lệ hộ cận nghèo cũng liên tục giảm, năm 2013 tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,18% thì năm 2014 chỉ còn là 3,81%. Giai đoạn 2011-2014, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân là 4,93%/năm.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ GIA NGHĨA

2.3.1. Những mặt thành công

SXNN luôn tăng trưởng nhanh. Cơ cấu ngành kinh tế thị xã ổn định là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Cơ cấu tiểu ngành nông nghiệp là trồng trọt – chăn nuôi – dịch vụ, xu hướng đang chuyển dịch theo hướng tỷ trọng trồng trọt giảm, tỷ trọng chăn nuôi tăng.

Cơ cấu lao động của thị xã Gia Nghĩa giai đoạn 2009-2014 là lao động nông nghiệp – lao động công nghiệp xây dựng – lao động dịch vụ. Tuy nhiên xu hướng cơ cấu lao động đang có xu hướng

chuyển dịch là công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp.

Thành phần kinh tế giai đoạn 2009-2014 là kinh tế ngoài nhà nước cụ thể kinh tế tập thể, tư nhân chiếm vị trí thứ 2 và thứ ba là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế nhà nước đang thu hẹp lại. Xu hướng phát triển của các thành phần kinh tế lại đang có sự thay đổi, chúng thể hiện qua sự phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp đang có xu hướng phát triển nhanh nhất, thứ hai là hợp tác xã tăng và cuối cùng nông hộ.

Vùng kinh tế thuộc xã đang phát triển mạnh với diện tích gieo trồng đang không ngừng tăng lên, trong khi đó diện tích của các phường đang có xu hướng giảm để chuyển sang đất xây dựng.

Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng đều tăng, GTSX ngày càng cao; GTSX ngành chăn nuôi ngày càng lớn.

Nông nghiệp đã đáp ứng được đa số nhu cầu lương thực tại chỗ cho nông dân, đồng thời cung ứng một phần nông sản hàng hóa. Qua đó góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tạo việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập và mức sống của nhân dân...

2.3.2. Những mặt hạn chế

Kinh tế trang trại, HTX và doanh nghiệp chưa phát triển để thúc đẩy sản xuất hàng hóa. Giá trị SXNN gần như hoàn toàn do nông hộ tạo ra.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng của các tiểu ngành kinh tế chăn nuôi tăng nhanh, tích cực nhưng tỷ trọng đóng góp vào GTSX nông nghiệp chưa cao.

Quy mô các nguồn lực còn khiêm tốn. Năng suất sử dụng đất thấp. Năng suất sản xuất chưa cao. Nông dân, HTX, doanh nghiệp áp dụng tiến bộ KHKT chưa nhiều.

Thâm canh trong nông nghiệp còn nhiều hạn chế. Giống cây trồng, nhất là cây cà phê, tiêu đa số là giống cây cũ với năng suất thấp. Việc áp dụng và thay đổi giống cây trồng có năng suất, chất lượng và giá trị cao chậm được phổ biến rộng rãi đến nông dân sản xuất.

Tính liên kết trong sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế. Chưa có nhiều liên kết tiến bộ, phù hợp. Các hình thức liên kết hiện có còn thiếu chặt chẽ, hiệu quả.

2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế

Thứ nhất: Thị xã có địa hình phức tạp, đất sản xuất bị chia cắt, phân tán... là những yếu tố bất lợi cho SXNN.

Thứ hai: Trình độ SXNN ở giai đoạn sản xuất hàng hóa nhỏ. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp chưa hoàn thiện. Sản xuất vẫn mang tính truyền thống, chưa áp dụng nhiều kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất.

Thứ ba: Tỷ lệ lao động là người già và phụ nữ tăng dẫn đến chất lượng lao động suy giảm. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý kinh tế ở cơ sở còn thiếu và yếu so với yêu cầu.

Thứ tư: Mức đầu tư vào nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của SXNN hiện đại. Nguồn vốn vay ngân hàng chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của nông dân.

Thứ năm: HTX và tổ chức kinh tế hợp tác chưa phát triển được nhiều dịch vụ. Bản thân các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân chưa đủ năng lực để thực hiện đúng vai trò của mình

Thứ sáu: Công tác hoạch định và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch PTNN còn hạn chế. Các chính sách kinh tế chậm đổi mới. Còn khá nhiều người dân tổ chức sản xuất một cách tự phát không theo quy hoạch chung của thị xã.

CHƯƠNG 3.

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ GIA NGHĨA

3.1. CƠ SỞ CHO VIỆC XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Quy hoạch phát triển kinh tế của thị xã Gia Nghĩa

a. Kinh tế

Tiếp tục xây dựng phát triển kinh tế của thị xã với mức tăng trưởng cao theo kế hoạch và quy hoạch đã đề ra. Hình thành cơ cấu kinh tế là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Đầu tư có trọng tâm vào một số lĩnh vực có lợi thế như nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản.

b. Nông nghiệp

Xây dựng một nền nông nghiệp toàn diện và phát triển theo xu thế phát triển bền vững. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt. Phát triển tối đa lợi thế tiềm năng về các loại cây công nghiệp phù hợp với loại đất và nhu cầu tiêu dùng, kèm theo đó là phát triển công nghiệp phụ trợ như công nghiệp chế biến, bảo quản, sơ chế để nâng cao giá trị nông sản.

Về trồng trọt: Giữ vững quỹ đất cho cây lương thực nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Triển khai, nâng cao hiệu quả tại các vùng có quy hoạch sản xuất hàng hóa theo quy hoạch đã được duyệt của tỉnh Đắk Nông và của thị xã đã phê duyệt.

Về chăn nuôi: Trên cơ sở lợi thế về điều kiện sinh thái từng vùng để tăng thêm số lượng đàn gia súc, gia cầm. Áp dụng các thành tựu KHKT về giống, thức ăn để nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô lớn, nâng cao

thu nhập của nông dân, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

3.1.2. Các quan điểm có tính định hướng khi xây dựng giải pháp

Phát triển nông nghiệp phải phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Đắk Nông, đặt trong mối quan hệ hữu cơ với hệ thống đô thị vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ và hội nhập quốc hiệu quả.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ GIA NGHĨA THỜI GIAN TỚI

3.2.1. Phát triển các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Tăng cường nâng cao năng lực kinh tế hộ

Cải thiện môi trường tâm lý, tư tưởng, nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sản xuất tiến bộ cho nông dân.

Tạo điều kiện cho nông hộ tiếp cận vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp để đẩy mạnh đầu tư.

b. Hợp tác xã

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lao động, năng lực quản lý HTX. Khuyến khích đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, đầu tư vào những nơi khó khăn. Phát triển đa dạng các hình thức liên kết, hợp tác SXNN. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi.

c. Kinh tế trang trại

Nâng cao năng lực chủ trang trại về lao động, quản lý kinh tế. Khuyến khích đầu tư. Tạo điều kiện cho việc thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về vốn, kỹ thuật.

d. Doanh nghiệp nông nghiệp

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về vốn, kỹ thuật, tiêu thụ nông sản. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quỹ mô, chất lượng và tiêu thụ sản phẩm.

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Phần đầu năm 2020, nông nghiệp 3,2%, công nghiệp 21,5%, dịch vụ 75,3%.

3.2.3. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Đất đai

Tập trung, tích tụ ruộng đất để đảm bảo quy mô sản xuất. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp. Nâng cao năng suất của ruộng đất.

b. Lao động

Thực hiện tốt lộ trình và giữ vững việc phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu. Đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề. Tổ chức chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới có năng suất và chất lượng cao.

c. Nguồn vốn

Tạo môi trường tốt để thu hút đầu tư. Đa dạng các nguồn vốn đầu tư và các chính sách ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn đầu tư. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

d. Áp dụng các tiến bộ trong SXNN

Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Đẩy mạnh quá trình thương mại hóa. Áp dụng giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao phù hợp với điều kiện tự nhiên.

3.2.4. Áp dụng các mô hình liên kết kinh tế phù hợp

Từ thực trạng và xu hướng PTNN của thị xã có thể áp dụng 5 mô hình liên kết gồm: Liên kết 4 nhà; liên kết doanh nghiệp-ngân hàng-hộ dân; liên kết doanh nghiệp-hợp tác xã; liên kết doanh nghiệp-trang trại-ngân hàng; liên kết doanh nghiệp-nông hộ-tổ hợp tác.

3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

Thâm canh là con đường chủ yếu, là giải pháp chính để tăng sản lượng NN của thị xã, nhất là khi quy hoạch sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 sẽ giảm gần diện tích so với hiện nay.

3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Cần phải lựa chọn nông sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng đáp ứng theo yêu cầu của thị trường và có năng suất, chất lượng cao.

3.2.7. Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp

Tăng cường đầu tư xây dựng mới, cải tạo, phát triển mạng lưới giao thông, điện, hệ thống đập nước, bưu chính viễn thông, truyền hình, truyền thanh, cơ sở thương mại dịch vụ, lưu thông.

3.2.8. Hoàn thiện một số chính sách liên quan

Hoàn thiện các chính sách: Chính sách đất đai; Chính sách phát triển nguồn nhân lực; Chính sách tín dụng; Chính sách hỗ trợ tiêu thụ nông sản.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Với mục tiêu nghiên cứu những vấn đề kinh tế chủ yếu của nông nghiệp thị xã về lý luận và thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể và hoàn thiện một số chính sách liên quan nhằm thúc đẩy nông nghiệp thị xã Gia Nghĩa phát triển trong những năm tới. Luận văn đã hoàn thành được một số nội dung sau:

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến PTNN. Phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng và thực trạng PTNN thị xã, phát hiện hạn chế, nguyên nhân.

Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy PTNN thị xã Gia Nghĩa trong thời gian tới.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Đối với Chính phủ

Có chính sách đủ mạnh để tăng cường nâng cao dân trí cho khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, giao thông không thuận lợi.

Nghiên cứu thực hiện miễn, giảm thuế với sản xuất và thu nhập của nông dân; HTX, tổ hợp tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa để khuyến khích PTNN.

Hoàn thiện hệ thống văn bản dưới luật liên quan đến quyền sử dụng đất, chuyển nhượng, thế chấp, cho thuê và góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Thúc đẩy thực hiện tốt chính sách đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước cho xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Có chính sách ưu tiên, khuyến khích cho các doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư vào địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa để họ tham gia giải quyết việc làm và tăng cơ hội để nông dân tham gia cung cấp nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp.

Có chính sách thúc đẩy, hỗ trợ nông dân, HTX, nhà khoa học, doanh nghiệp liên kết và đảm đương tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong liên kết. Hoàn thiện, tổ chức thực hiện tốt các chế tài xử lý vi phạm hợp đồng liên kết để bảo vệ lợi ích cho các bên nhằm đảm bảo liên kết được chặt chẽ, bền vững.

Có chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới tiêu thụ nông sản để nâng cao năng lực thương mại hàng nông sản thông qua việc gia nhập các sàn giao dịch, sở giao dịch hàng hóa, giúp các nông dân, cơ sở SXNN yên tâm về thị trường đầu ra để tập trung hơn vào sản xuất.

2.2. Đối với tỉnh Đắk Nông

Thực hiện tốt chính sách đất nông nghiệp của Chính phủ. Hỗ trợ thỏa đáng cho các hộ nông dân khi chuyển giao đất thực hiện các dự án.

Tạo cơ hội thuận lợi để các nông hộ, cơ sở sản xuất tiếp cận các nguồn vốn. Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách nhiều hơn, mạnh mẽ hơn cho cấp thị xã và cấp xã để tăng cường tự chủ ở cơ sở.

Xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ nông dân sản xuất lương thực và các cơ sở sản xuất miền núi, vùng sâu, vùng xa như cải tạo đất, đồng ruộng; mức hỗ trợ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phòng trừ dịch bệnh...

Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ tiếp cận, áp dụng tiến bộ KHCN vào SXNN để tăng năng suất và chất lượng nông sản. Nâng cao hiệu quả công tác vận động, hướng dẫn người nông dân áp dụng

các phương thức sản xuất an toàn sinh thái, các công nghệ sạch hơn và sử dụng giống sạch bệnh trong SXNN.

2.3. Đối với thị xã Gia Nghĩa

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, chỉ đạo kịp thời điều chỉnh quy hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã để hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, làm cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp cũng như đẩy nhanh quá trình thâm canh, liên kết sản xuất trong nông nghiệp.

Thực hiện tốt chính sách của Nhà nước về khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu thực hiện những chính sách đặc thù để thu hút đầu tư SXNN ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước, thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch SXNN và phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các chương trình dự án phát triển có liên quan. Quan tâm thực hiện tốt công tác hỗ trợ tái định canh, định cư khi thu hồi đất giúp cho nông dân có đời sống tốt hơn khi đến nơi ở mới.

Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức. Nâng cao trình độ chuyên môn, khoa học, công nghệ và quản lý kinh tế nông nghiệp cho các cán bộ cấp thị xã, cấp xã để có thể giúp giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách và chỉ đạo SXNN, phát triển nông thôn.